

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2026/HNGĐ-ST

Ngày 05/02/2026

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trịnh Thị Oanh.
2. Bà Nguyễn Thị Lan.

Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Lương – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk, tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Nguyên – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2026, tại Hội trường xét xử trụ sở Toà án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 171/2025/TLST- HNGĐ ngày 14/10/2025, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/01/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2026/QĐST – HNGĐ ngày 20/01/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Nh, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn xx, xã K, tỉnh Đắk Lắk. Nơi cư trú: Thôn xx, xã K, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt – có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Trần Quốc T, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Thôn xx, xã K, tỉnh Đắk Lắk. Nơi cư trú: Thôn xx, xã K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị Nh trình bày như sau:

Tôi (Nhợ) và ông Trần Quốc T sau một thời gian tìm hiểu, yêu thương

nhau tự nguyện thì quyết định về chung sống với nhau từ giữa năm 2011, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Nay là UBND xã K, tỉnh Đắk Lắk) số 81/2011 ngày 08/12/2011.

Sau khi về chung sống vợ chồng tôi sống với nhau hạnh phúc đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông T thường xuyên uống rượu, say xỉn rồi về nhà quậy phá, đánh đập tôi và các con, ngoài ra mỗi khi say ông T lại chửi vợ con suốt đêm không cho con cái học hành, ảnh hưởng rất nhiều đến hàng xóm láng giềng. Tôi đã Kh giải rất nhiều, chính quyền địa phương nhiều lần can thiệp song không có kết quả. Hiện tại tôi không thể chịu đựng thêm việc thường xuyên bị ông T hành hạ đánh đập. Bản thân tôi cũng không còn tình cảm gì với ông T nữa. Vì vậy, tôi có nguyện vọng xin được ly hôn ông Trần Quốc T.

+ Về con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng tôi có 02 con chung là cháu Trần Lê Thanh Kh, sinh ngày 06/9/2012 và cháu Trần Lê Quốc H, sinh ngày 26/10/2016.

Nguyện vọng của tôi về con chung tôi xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả cháu Kh và H. Hiện nay tôi là nhân viên bán hàng cho tiệm vải Thúy – Tấn. Thu nhập bình quân tháng 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng Do vậy, nếu được nuôi con tôi không yêu cầu ông T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Trần Quốc T, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng ông T không đến Tòa án để lập bản tự khai, không tham gia phiên họp, phiên hòa giải, nên không có lời khai, không ghi nhận được ý kiến của ông T.

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương thôn 2A, xã Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk thu được như sau: Bà Lê Thị Nh và ông Trần Quốc T là vợ chồng có đăng ký thường trú tại thôn xx, xã H (nay là xã K). Tuy nhiên, bà Nh và ông T làm nhà và chung sống tại thôn 2A, xã H (nay là thôn xx xã K) từ năm 2012 đến nay. Quá trình chung sống tại địa phương bà Nh và ông T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, ông T thường xuyên uống rượu say xỉn rồi về nhà quậy phá, gây sự, chửi bới vợ con. Gia đình và địa phương đã đến Kh giải, can thiệp nhiều lần song không có kết quả. Nay bà Nh xin ly hôn ông T thì đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn bà Lê Thị Nh vắng mặt tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Quốc T vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Sau khi thụ lý vụ án Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; Thành phần HĐXX tại phiên tòa đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị Nh đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Trần Quốc T đã được Tòa án thông báo hợp lệ nhưng không đến Tòa án tham gia phiên họp, phiên hòa giải là từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa bị đơn ông T vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt ông T.

+ Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

Đề nghị HĐXX tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Lê Thị Nh.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị Nh ly hôn ông Trần Quốc T.

- Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Trần Lê Thanh Kh, sinh ngày 06/9/2012, cháu Trần Lê Quốc H, sinh ngày 26/10/2016 cho bà Lê Thị Nh trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi.

Ông Trần Quốc T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết bà Lê Thị Nh không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình giải quyết bà Lê Thị Nh không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

- Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của bà Lê Thị Nh, Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền: Tại thời điểm bà Lê Thị Nh khởi kiện bị đơn ông Trần Quốc T cư trú tại xã Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Tại phiên Tòa lần

thứ nhất ông Trần Quốc T vắng mặt không có lý do, Tòa án đã hoãn phiên tòa và tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa cho ông T, bà Nh. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Trần Quốc T vắng mặt không có lý do. Áp dụng Điều 227 và Điều 228 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Nh và ông Trần Quốc T tìm hiểu yêu thương nhau trên cơ sở tự nguyện, có Đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là UBND xã K, tỉnh Đắk Lắk) số 81/2011, ngày 08 tháng 12 năm 2011. Như vậy, hôn nhân của bà Nh và ông T là hợp pháp được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, sau khi kết hôn ông T và bà Nh sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra liên tục từ nhiều năm nay không hòa giải được. Quá trình tố tụng, Tòa án đã tổ chức hòa giải để hàn gắn tình cảm giữa ông T và bà Nh. Tuy nhiên, ông T không đến Tòa án để làm việc. Nên không tiến hành hòa giải được. Mặt khác, kết quả xác minh tại địa phương xã Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk thể hiện: Quá trình sinh sống tại địa phương bà Nh và ông T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông T thường xuyên rượu chè say xỉn về nhà quậy phá, gây sự chửi bới vợ con, ảnh hưởng đến an ninh tại địa phương. Địa phương đã nhắc nhở, Kh răn nhiều lần nhưng không có kết quả. Bản thân bà Lê Thị Nh có nguyện vọng tha thiết xin được ly hôn ông Trần Quốc T, điều này chứng tỏ hôn nhân giữa bà Nh và ông T không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài. Do vậy, HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình cho bà Lê Thị Nh ly hôn ông Trần Quốc T là phù hợp.

[2.2]. Về con chung: Trong quá trình chung sống bà Lê Thị Nh, ông Trần Quốc T có 02 con chung là cháu Trần Lê Thanh Kh, sinh ngày 06/9/2012, cháu Trần Lê Quốc H, sinh ngày 26/10/2016. Quá trình giải quyết vụ án bản thân bà Nh có nguyện vọng xin nuôi dưỡng cháu Kh và H, còn cháu Kh và cháu H đều có nguyện vọng xin sống với bà Nh. Xét thấy, việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng khi bố mẹ ly hôn cần xét đến quyền lợi mọi mặt của các cháu. Hiện nay cháu Kh và cháu H còn nhỏ, các cháu cần sự dạy dỗ ân cần của bố mẹ. Tuy nhiên, kết quả xác minh tại địa phương cũng như ý kiến trình bày của cháu Kh và cháu H thì ông T thường xuyên rượu chè say xỉn. Mỗi khi say rượu ông T lại quậy phá, chửi bới vợ con. Như vậy, nếu giao con cho ông T nuôi dưỡng thì không đảm bảo cho sự phát triển bình thường của các cháu. Vì vậy, HĐXX áp dụng các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình, giao cháu Trần Lê Thanh

Kh, sinh ngày 06/9/2012 và cháu Trần Lê Quốc H, sinh ngày 26/10/2016 cho bà Lê Thị Nh trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi hai cháu đủ tuổi thành niên là phù hợp.

“Ông Trần Quốc T được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được quyền ngăn cản. Tuy nhiên, ông T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung”

Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án bà Lê Thị Nh không yêu cầu nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án bà Lê Thị Nh không yêu cầu nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[3]. Về án phí: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bà Lê Thị Nh phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là phù hợp.

[4]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk tại phiên tòa là phù hợp nên HĐXX cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 203, Điều 227, Điều 228 và Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

- Căn cứ Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ khoản 3 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân gia đình.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị Nh ly hôn ông Trần Quốc T.

- Về con chung: Giao cháu Trần Lê Thanh Kh, sinh ngày 06/9/2012 và cháu Trần Lê Quốc H, sinh ngày 26/10/2016 cho bà Lê Thị Nh trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi hai cháu đủ 18 tuổi.

“Ông Trần Quốc T được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được quyền ngăn cản. Tuy nhiên, ông T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung”

- Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Bà Lê Thị Nh không yêu cầu nên HĐXX không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị Nh không yêu cầu nên HĐXX không đề cập giải quyết.

- Về án phí: Bà Lê Thị Nh phải phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm. Được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số 0001826 ngày 08 tháng 10 năm 2025.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

“Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”

Nơi nhận:

- TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 4 – Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu: HS + VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền

